

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN
PHÁT VIỆT NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT VIETNAM CONSTRUCTION DESIGN CONSULTING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108880046

3. Ngày thành lập: 04/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
6.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
8.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
9.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
10.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
14.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
15.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
16.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
17.	Sản xuất máy luyện kim	2823
18.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
19.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
20.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826

21.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
27.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình thủy	4291
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
51.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
58.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
59.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410(Chính)
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh	8299
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
66.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
68.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
69.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Cơ sở lưu trú khác	5590
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 980.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN ĐÔNG	Số 2D1 TT công ty Len, tổ 8, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	254.800	2.548.000.000	26,000	001072018453	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	254.800	2.548.000.000	26,000		
2	ĐỖ QUANG ANH	Số nhà 26, ngõ 1, đường Chu Văn An, Phường Yên Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	111731940	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		

3	MAI PHÚ KHÁNH	Phòng 25 nhà F4 tập thể bóng đèn phích nước Rạng Đông, ngõ 328 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	245.000	2.450.000.000	25,000	B6342069	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	245.000	2.450.000.000	25,000		
4	NGUYỄN HẢI ANH	Số nhà 05, ngõ 71, tổ 8, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	235.200	2.352.000.000	24,000	001085020335	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	235.200	2.352.000.000	24,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ QUANG ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111731940

Ngày cấp: 11/06/2012

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 26, ngõ 1, đường Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 26, ngõ 1, đường Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội